ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 211 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng F0, F1, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật đang điều trị, cách ly, điều trị tại nhà trên địa bàn quận Ninh Kiều (Đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều tại Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng F0, F1, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật đang điều trị, cách ly, điều trị tại nhà trên địa bàn quận Ninh Kiều (Đợt 2), cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng: 627 người (Sáu trăm hai mươi bảy người) và 109 (Một trăm lẻ chín người) người là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

(Đính kèm Danh sách theo Tờ trình của UBND quận Ninh Kiều).

- Mức hỗ trợ tiền ăn: 80.000 đồng/người/ngày.

- Thời gian hỗ trợ: Số ngày điều trị, cách ly theo Danh sách (hỗ trợ tối đa 45 ngày đối với F0; hỗ trợ tối đa 21 ngày đối với F1).

- Hỗ trợ thêm cho trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trong thời gian cách ly y tế: 1.000.000 đồng/người (hỗ trợ 01 lần).

2. Kinh phí hỗ trợ: 789.240.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

3. Kinh phí thực hiện: Chi từ 50% nguồn dự phòng ngân sách, nguồn cải cách tiền lương còn dư và nguồn tài chính hợp pháp khác (kết dư ngân sách, nguồn huy động…) của ngân sách cấp quận.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính phối hợp Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn việc quyết toán theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đối tượng được hưởng chế độ được quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn; niêm yết, công khai toàn bộ danh sách các đối tượng được hưởng chế độ; thực hiện việc chi trả, quyết toán, kiểm tra và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em và người đang thực hiện cách ly y tế trên địa bàn quận Ninh Kiều theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều và đối tượng có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ LĐ-TB&XH (để b/c);
- TT. TU, TT.HĐND TP (để b/c);
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQ Việt Nam TP;
- Thanh tra TP;
- VP UBND TP (3ABC);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT,Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hồng

Mẫu số 08b

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRẺ EM, NGƯỜI CAO TUỔI, NGƯỜI KHUYẾT TẬT THUỘC DIỆN F0, F1 ĐƯỢC HỖ TRỢ - ĐỢT 2

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
	Phường An Bình						
1	Tăng Huy Hoàng	08/05/2011		Số 9 ĐS 6 KDC 923 KV7	15/12/2021	1.000.000	F0
2	Trần Lê Như Ngọc		31/10/2010	67A/2 KV7	24/11/2021	1.000.000	F0
3	Nguyễn Ngọc Thịnh	06/02/2016		16/1 KV5	14/12/2021	1.000.000	F0
4	Nguyễn Gia Lộc	17/01/2019		16/1 KV5	14/12/2021	1.000.000	F0
5	Nguyễn Gia Phát	17/01/2019		16/1 KV5	14/12/2021	1.000.000	F0
6	Nguyễn Thanh Tính	25/07/2010		328/10 KV4	05/12/2021	1.000.000	F0
7	Lê Gia Bảo	15/05/2011		124H/3 KV3	30/11/2021	1.000.000	F0
8	Trương Ngọc Tường Vy		08/10/2010	339/6 KV6	03/12/2021	1.000.000	F0
9	Lê Ngọc Thảo Vy		30/05/2014	85/2 KV7	23/11/2021	1.000.000	F0
10	Quách Minh Nguyễn	20/10/2015		85/10/1 TVK KV1	17/12/2021	1.000.000	F0
11	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	10/01/2016		7/1 KV3	12/12/2021	1.000.000	F0
12	Nguyễn Nhật Anh	22/02/2014		210/5 KV3	11/12/2021	1.000.000	F0
13	Bùi Phan Diễm Quỳnh		27/02/2014	272B/7 KV6	22/11/2021	1.000.000	F0
14	Nguyễn Thành Phát	25/10/2007		275I/87 KV2	15/12/2021	1.000.000	F0
15	Lương Phúc Khang	13/02/2013		193/5 KV2	14/12/2021	1.000.000	F0
16	Trần Minh Quân	17/11/2007		722/3 KV3	24/11/2021	1.000.000	F0
17	Lý Quang Quý	15/07/2011		160/4 KV8	08/12/2021	1.000.000	F0
18	Lý Thanh Ngân		12/06/2006	160/4 KV8	08/12/2021	1.000.000	F0
19	Nguyễn Quỳnh Lam		27/06/2010	124/3 KV3	23/11/2021	1.000.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ				
20	Cao Khánh NGọc		27/06/2011	120C/3 KV3	25/11/2021	1.000.000	F0
21	Nguyễn Thiên Phúc	30/10/2020		373A/11 KV7	19/12/2021	1.000.000	F0
22	Trương Hoàng Bích NGọc		31/01/2015	19C/1 KV8	12/11/2021	1.000.000	F0
23	Trần Minh Chiến	24/02/2018		15E/3A KV5	10/08/2021	1.000.000	F0
24	Nguyễn Thanh Phong	29/03/2009		40 đường A1 Tổ 3A KV5	03/08/2021	1.000.000	F0
25	Dương Huỳnh Bảo NGọc		07/01/2007	29A1/3A KV5	10/08/2021	1.000.000	F0
26	Đỗ Ngọc Minh Thư		20/10/2010	205/5 KV5	17/12/2021	1.000.000	F0
27	Hồ Minh Khôi	23/04/2019		694/29/16/28 KV3	26/11/2021	1.000.000	F0
28	Trần Minh Thắng	24/02/2018		15E/3A KV5	10/08/2021	1.000.000	F0
29	Trần Tiến Đạt	16/12/2009		15E/3A KV5	10/08/2021	1.000.000	F0
30	Nguyễn Quốc Thắng	23/03/2006		32 A1 KV5	18/08/2021	1.000.000	F0
31	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1973		139C/3 KV5	24/09/2021	1.000.000	F1
32	Đặng Thị Còn		01/01/1936	139C/3 KV5	24/09/2021	1.000.000	F1
	Phường An Nghiệp						
1	Nguyễn Minh Bảo Trâm		2007	98/47A Trần Hưng Đạo	04/10/2021	1.000.000	F0
2	Nguyễn Minh Thiện	2018		98/47A Trần Hưng Đạo	04/10/2021	1.000.000	F0
3	Lê Nguyễn Kim Ngân		2014	37/13B Huỳnh Thúc Kháng	05/11/2021	1.000.000	F0
4	Nguyễn Ngọc Hằng		2007	37/8 Huỳnh Thúc Kháng	14/11/2021	1.000.000	F0
5	La Thanh Ngân		2008	37/17A Huỳnh Thúc Kháng	07/11/2021	1.000.000	F0
6	Lê Phước Sang	2012		37/4C Huỳnh Thúc Kháng	02/11/2021	1.000.000	F0
7	Lê Phước Hưng	2017		37/4C Huỳnh Thúc Kháng	02/11/2021	1.000.000	F0
8	Trần Quốc Thịnh	2014		37/4D Huỳnh Thúc Kháng	12/11/2021	1.000.000	F0
9	Chung Thanh Huyền		2006	19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	1.000.000	F0
10	Nguyễn Lý Phi Đại	2010		182/97 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	1.000.000	F0
11	Trương Thị Hoàng Yến		2013	182/12 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	1.000.000	F0
12	Trương Hoàng Anh Khuê		2017	182/12 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	1.000.000	F0
13	Võ Hoàng Kim Thanh		2007	182/53 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	1.000.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ				
14	Đoàn Chính Phong	2009		182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	1.000.000	F0
15	Võ Tuyết Vy		2009	182/30 Trần Hưng Đạo	30/11/2021	1.000.000	F0
16	Võ Tuyết Thanh		09/01/2006	182/30 Trần Hưng Đạo	30/11/2021	1.000.000	F0
17	Nguyễn Hoàng Thiên Định	2017		182/21 Trần Hưng Đạo	02/12/2021	1.000.000	F0
18	Nguyễn Bảo Di		2008	182/14B Trần Hưng Đạo	03/12/2021	1.000.000	F0
19	Liang Triển Quìn		2010	45/23 Huỳnh Thúc Kháng	04/12/2021	1.000.000	F0
20	Trần Bạch Bảo Ngọc		2013	127 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	1.000.000	F0
21	Bùi Gia Bảo	2016		19 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	1.000.000	F0
22	Nguyễn Việt Bảo Uyên		2009	25 Nguyễn Cư Trinh	07/12/2021	1.000.000	F0
23	Nguyễn Phúc Thịnh	2012		25 Nguyễn Cư Trinh	07/12/2021	1.000.000	F0
24	Phạm Minh Tuấn	2010		98/14 Trần Hưng đạo	07/12/2021	1.000.000	F0
25	Phạm Mai Phương		2014	98/14 Trần Hưng Đạo	07/12/2021	1.000.000	F0
26	Mai Thảo Nguyên		2007	177N Huỳnh Thúc Kháng	07/12/2021	1.000.000	F0
27	Nguyễn Hoài Thương	2012		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	1.000.000	F0
28	Đặng Ngọc Thiên Anh		2014	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	1.000.000	F0
29	Nguyễn Tân Thời	2017		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	1.000.000	F0
30	Trần Ngọc Như Ý		2018	70/20B Trần Hưng Đạo	12/12/2021	1.000.000	F0
31	Trần Đức Tùng Quân	2018		138/134A Trần Hưng Đạo	13/12/2021	1.000.000	F0
32	Nguyễn Thị Ngọc Như		2013	149/19 Huỳnh Thúc Kháng	14/12/2021	1.000.000	F0
33	Nguyễn Anh Thư		2016	70 Nguyễn Cư Trinh	14/12/2021	1.000.000	F0
34	Nguyễn Minh Thơ		2019	70 Nguyễn Cư Trinh	14/12/2021	1.000.000	F0
35	Trần Ngọc Mai Anh		01/12/2005	19/13 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	1.000.000	F0
36	Nguyễn Tấn Cút	1937		37/19B Huỳnh Thúc Kháng	02/11/2021	1.000.000	F0
37	Bùi Thị Hoa		1934	45/54 Huỳnh Thúc Kháng	27/9/2021	1.000.000	F0
38	Trần Thị Xứng		1936	70/13 Trần Hưng Đạo	26/10/2021	1.000.000	F0
39	Nguyễn Thanh Hùng	1940		37/19 Huỳnh Thúc Kháng	01/11/2021	1.000.000	F0
40	Đường Anh Kiệt	1928		19/2 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	1.000.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ				
41	Phạm Thị Tiếm		1938	182/97 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	1.000.000	F0
42	Nguyễn Thị Thu		01/01/1936	182/30 Trần Hưng Đạo	12/12/2021	1.000.000	F0
43	Lê Thị Nga		1937	89/12 Huỳnh Thúc Kháng	13/12/2021	1.000.000	F0
44	Dương Bảo Hân		2012	27 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	1.000.000	F0
45	Dương Bảo Nghi		2007	27 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	1.000.000	F1
46	Nguyễn Dương Anh Khôi	2011		149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	1.000.000	F1
47	Lê Hữu Khôi	2012		4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	1.000.000	F1
48	Lê Duy Mạnh	2012		149/26C Huỳnh Thúc Kháng	03/12/2021	1.000.000	F1
49	Bùi Gia Lâm	2013		19 Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	1.000.000	F1
50	Trần Tố Như		2017	3 Nguyễn Cư Trinh	19/12/2021	1.000.000	F1
51	Trần Anh Thư		2012	3 Nguyễn Cư Trinh	19/12/2021	1.000.000	F1
52	Nguyễn Quốc Khánh	2010		125A Huỳnh Thúc Kháng	24/12/2021	1.000.000	F1
53	Nguyễn Ngọc Thảo	2008		131 Huỳnh Thúc Kháng	20/12/2021	1.000.000	F1
54	Nguyễn Thành Đạt	2007		98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	1.000.000	F1
55	Lê Thanh Duy	2/10/2006		30A Mậu Thân	09/12/2021	1.000.000	F1
56	Huỳnh Ngọc Thái	2010		95B Huỳnh Thúc Kháng	23/11/2021	1.000.000	F1
57	Nguyễn Ngọc Tiên		30/4/2021	182/14B Trần Hưng Đạo	2/12/2021	1.000.000	F1
58	Nguyễn Bảo Kiệt	1/9/2018		182/14B Trần Hưng Đạo	2/12/2021	1.000.000	F1
59	Tô Thiên Di		2/1/2019	138/130 Trần Hưng Đạo	15/12/2021	1.000.000	F1
60	Tô Thiên Thư		2020	138/130 Trần Hưng Đạo	15/12/2021	1.000.000	F1
61	Nguyễn Nhật Nam	14/6/2017		45/36A Huỳnh Thúc Kháng	10/12/2021	1.000.000	F1
62	Lê Thiếu Long	22/3/2017		4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	1.000.000	F1
63	Nguyễn Minh Xuân Trúc		25/7/2016	138/100/7A Trần Hưng Đạo	9/12/2021	1.000.000	F1
64	Nguyễn Nhựt Phương Thuỳ		8/4/2008	182/16B Trần Hưng Đạo	30/11/2021	1.000.000	F1
65	Trần Quốc Kiệt	16/7/2011		70/20B THĐ	10/12/2021	1.000.000	F1
66	Lâm Quí Phát	4/4/2007		89/30 HTK	25/12/2021	1.000.000	F1
67	Nguyễn Đình Phúc	5/6/2017		25 NCT	6/12/2021	1.000.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ				
68	Phan Thị Thuý Vy		5/11/2010	182/56 THĐ	9/12/2021	1.000.000	F1
69	Lê Quang Vinh	24/01/2010		149/26C Huỳnh Thúc kháng	06/12/2021	1.000.000	F0
70	Nguyễn Ngọc Xuân		2010	138/122 Trần Hưng Đạo	16/12/2021	1.000.000	F0
71	Trần Cát Tiên		2017	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	1.000.000	F0
72	Trần Cát Tường		2007	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	1.000.000	F0
73	Nguyễn Hữu Minh	1934		53/64 Huỳnh Thúc Kháng	25/11/2021	1.000.000	F1
74	Nguyễn Thị Chiêu		1939	70/2C Trần Hưng Đạo	20/12/2021	1.000.000	F1
75	Lê Dư Dã	12/9/1954		37/11 Huỳnh Thúc Kháng	6/12/2021	1.000.000	F1
76	Nguyễn Tấn Hưng	1/1/1931		89/30 HTK	25/12/2021	1.000.000	F1
	Phường Hưng Lợi						
1	Huỳnh Kim Ngân		10/05/2010	16/40M1 Tầm vu, KV2	02/12/2021	1.000.000	F0
Tổng cộng:						**109.000.000**	

- Tổng số đối tượng hỗ trợ: ***109 Người.***
- Tổng số tiền hỗ trợ: ***109.000.000 đồng.***
- Bằng chữ: ***Một trăm lẻ chín triệu đồng chẵn.***

Ninh Kiều, ngày 14 tháng 01 năm 2022

PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Q.NINH KIỀU-TP.CẦN THƠ

Lê Thế Phúc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU T.P CẦN THƠ

Nguyễn Ngọc Ánh

Mẫu số 08a

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH F0, F1 PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ - ĐỢT 2

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Phường An Bình								
1	Ngô Ngọc Lợi	27/01/1992		103/95/7/10 KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
2	Nguyễn Ngọc Minh Anh		30/08/2002	156/4 KV3	28/11/2021	12/12/2021	**15**	1.200.000	F0
3	Trần Hoàng Yến		18/04/1981	41/1 KV8	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
4	Trần Mai Phụng		02/01/1957	161/4 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
5	Trần Tư Xái	01/01/1950		161/4 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
6	Tăng Huy Hoàng	08/05/2011		Số 9 ĐS 6 KDC 923 KV7	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
7	Tăng Văn Đạt	12/11/1968		Số 9 ĐS 6 KDC 923 KV7	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
8	Lê Thị Ngọc Hiệu		1986	67A/2 KV7	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
9	Trần Hoàng Vũ	29/09/1980		67A/2 KV7	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
10	Trần Lê Như Ngọc		31/10/2010	67A/2 KV7	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
11	Lê Thị Ngọc Yến		07/02/1989	16/1 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
12	Nguyễn Ngọc Thịnh	06/02/2016		16/1 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
13	Nguyễn Gia Lộc	17/01/2019		16/1 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
14	Nguyễn Gia Phát	17/01/2019		16/1 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
15	Đỗ Văn Lành	09/09/1994		25/3 KV5	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
16	Hứa Thành Công	05/05/1977		327C/10 KV4	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
17	Đặng Thị Kim Tiến		01/01/1978	327C/10 KV4	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
18	Nguyễn Ngọc Hưng	01/09/1989		16/1 KV5	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
19	Nguyễn Thị Minh Thu		01/04/1986	18B KV4	10/12/2021	24/12/2021	**15**	1.200.000	F0
20	Nguyễn Tuyết Hồng		23/11/1977	136/62 HQV	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
21	Nguyễn Thanh SƠn	27/09/1966		148/4 KV3	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
22	Lê Thị Huê		11/07/1963	163/4 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
23	Lê Duy Đặng	03/11/1992		151/4 NVT KV8	30/11/2021	12/12/2021	**13**	1.040.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
24	Nguyễn Thanh Tính	25/07/2010		328/10 KV4	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
25	Trịnh Bạch Hoa		17/11/1962	415 HQV	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
26	Tiêu Thành Nhiều	17/07/2003		160/2B KV7	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
27	Lê Gia Bảo	15/05/2011		124H/3 KV3	30/11/2021	16/12/2021	**17**	1.360.000	F0
28	Huỳnh Phương Thảo		19/05/1987	124H/3 KV3	30/11/2021	16/12/2021	**17**	1.360.000	F0
29	Nguyễn Khánh Luân	14/03/1985		12F5/3A KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
30	Lê Thị Hồng Thắm		26/10/2002	307/9 KV4	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
31	Phạm Văn Nghĩa	1967		166 Tú Xương	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
32	Phạm Thị Quỳnh		11/01/1992	166 Tú Xương	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
33	Trương Ngọc Tường Vy		08/10/2010	339/6 KV6	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
34	Dương Thanh Thảo		24/04/1982	339/9 KV6	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
35	Trịnh Thanh Tú	08/07/1981		373 HQV KV4	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
36	Nguyễn Hoàng Trung	07/05/2005		258G/8 KV4	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
37	Nguyễn Hoàng Tuấn	'08/11/1964		258G/8 KV4	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
38	Trần Văn Tấn	1980		694/47/59 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
39	Phạm Thị Ngọc Em		27/03/1962	170D/5 KV3	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
40	Nguyễn Thị Mùi		08/09/1958	193 KV3	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
41	Lê Ngọc Thảo Vy		30/05/2014	85/2 KV7	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
42	Lê Hoàng Vũ	08/02/1980		85/2 KV7	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
43	Nguyễn Ngọc Mi		1979	85/2 KV7	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
44	Lê Hoàng Vinh	31/07/1982		85/2 KV7	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
45	Nguyễn Anh Hùng	24/12/1980		36/2A đường F5 KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
46	Nguyễn Thị Kim Ngân		29/06/1983	36/2A đường F5 KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
47	Đặng Phước Ơn	15/12/1975		120/25 HQV KV4	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
48	Quách Minh Nguyễn	20/10/2015		85/10/1 TVK KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
49	Nguyễn Kim Thảo		**1987**	85/10/1 TVK KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
50	Nguyễn Hồng Tiến		1991	85/10/1 TVK KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
51	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		07/05/1966	120A/3 KV3	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
52	Nguyễn Thị Thủy		14/11/1983	221A/6 KV4	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
53	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	10/01/2016		7/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
54	Bùi Thắm Thúy Vinh		21/12/1992	7/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
55	Nguyễn Thị Yến		24/06/1956	7/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
56	Hứa Ngọc Lan		03/07/1983	210/5 KV3	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
57	Nguyễn Nhật Anh	22/02/2014		210/5 KV3	11/12/2021	23/12/2021	**13**	1.040.000	F0
58	Nguyễn Thị Cẩm Hương		30/05/1987	45/2C KV7	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
59	Trương Đắc Minh	06/08/1963		10/1 KV3	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
60	Phạm Công Ninh	28/04/1953		17/2C KV7	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
61	Pham Thị Thanh Hà		07/01/1981	272B/7 KV6	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
62	Bùi Phan Diễm Quỳnh		27/02/2014	272B/7 KV6	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
63	Nguyễn Thị Kim Cúc		29/11/1959	141A/4 KV8	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
64	Huỳnh Văn Tưng	18/04/1960		141A/4 KV8	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
65	Hà Kim Dung		22/09/1970	142/4 KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
66	Nguyễn Cảnh Hồng	06/10/1980		249F/6 KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
67	Phan Thị Thanh Bình		25/07/1977	275I/8 KV2	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
68	Phan Văn Phú	09/10/1974		275I/8 KV2	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
69	Nguyễn Thành Phát	25/10/2007		275I/87 KV2	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
70	Lương Phúc Khang	13/02/2013		193/5 KV2	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
71	Đặng Thị Bảo Yến		15/01/1989	124H/3 KV3	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F0
72	Nguyễn Cảnh Việt	13/09/2005		249F/6 KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
73	Phạm Phước Thới	25/12/1987		82/F5 KV6	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
74	Nguyễn Thị Bông		01/01/1958	10/1 KV3	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
75	Trần Thị Thủy		26/08/1985	187K/6A KV2	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
76	Nguyễn Đức Thành	08/09/1999		4B2 KV7	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
77	Nguyễn Thị Kim Tâm		19/05/1967	259D/8 KV2	28/11/2021	16/12/2021	**19**	1.520.000	F0
78	Huỳnh Văn Thảo	01/05/1986		327 KV6	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
79	Nguyễn Thanh Kiều		18/08/1977	187C/6A KV2	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
80	Nguyễn Minh Tấn	15/09/2000		187C/6A KV2	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
81	Nguyễn Thành Dân	20/10/1980		187C/6A KV2	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
82	Dương Thị Thanh Quyên		08/02/1993	331/10 KV4	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
83	Thạch Phúc	04/04/1994		119B/3A KV3	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
84	Thạch Dương	18/05/1990		119B/3A KV3	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
85	Thạch Hậu	19/12/2003		119B/3A KV3	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
86	Trần Thanh Trúc		01/01/1975	121E/3 KV3	26/11/2021	09/12/2021	**14**	1.120.000	F0
87	Huỳnh Hải Đăng	20/04/2003		121E/3 KV3	26/11/2021	09/12/2021	**14**	1.120.000	F0
88	Mai Văn Tòng	01/08/1973		30/3A KV5	09/12/2021	23/12/2021	**15**	1.200.000	F0
89	Diệp Kỳ Anh	08/12/1999		186/6 KV2	04/12/2021	18/12/2021	**15**	1.200.000	F0
90	Diệp Anh Vũ	06/07/1969		186/6 KV2	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
91	Trần Minh Quân	17/11/2007		722/3 KV3	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
92	Lương Chí Thảo	01/01/1970		167/4 KV5	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
93	Trần Chí Huệ	12/07/1982		TT 249G/6 KV6	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
94	Lý Quang Quý	15/07/2011		160/4 KV8	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
95	Lý Thanh Ngân		12/06/2006	160/4 KV8	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
96	Hồ Thị Nga		1951	Trọ 923 KV7	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
97	Nguyễn Viêt Thành	04/04/1968		665/40/2 đường 3/2	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
98	Nguyễn Văn Luyện	04/04/1974		124/3 KV3	23/11/2021	16/12/2021	**24**	1.920.000	F0
99	Dương Thị Kim Đào		11/10/1976	124/3 KV3	23/11/2021	16/12/2021	**24**	1.920.000	F0
100	Nguyễn Như Quỳnh		25/07/2002	124/3 KV3	23/11/2021	16/12/2021	**24**	1.920.000	F0
101	Nguyễn Quỳnh Lam		27/06/2010	124/3 KV3	23/11/2021	16/12/2021	**24**	1.920.000	F0
102	Võ Văn Thi	15/04/1965		225A/6 KV4	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
103	Trương Thị Như Ý		29/03/2002	10/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
104	Phạm Thị Mai Hân		12/01/1986	120C/3 KV3	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F0
105	Cao Khánh NGọc		27/06/2011	120C/3 KV3	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F0
106	Nguyễn Văn Danh	1979		75/4 KV4	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
107	Trần Văn Huy	30/09/2000		162/5 KV1	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
108	Đoàn Thị Hưởng		1961	10A/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
109	Trương Đắc Cường	1959		10A/1 KV3	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
	Phương An Nghiệp								
1	Bùi Thị Cẩm Nhi		1997	138/116A Trần Hưng Đạo	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
2	Hà Lê Khang	1992		138/116A Trần Hưng Đạo	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
3	Hồ Quang Minh	1993		218/15A Trần Hưng Đạo	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
4	Phạm Minh Thư		1998	89/3 Huỳnh Thúc Kháng	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
5	Nguyễn Ngọc Bội Tuyền		1996	89/3 Huỳnh Thúc Kháng	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
6	La Thanh Khiêm	1974		37/17A Huỳnh Thúc Kháng	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F0
7	Huỳnh Thị Bích Thủy		1959	98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F0
8	Trần Trang Quốc Thảo	1992		46/14 Trần Hưng Đạo	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
9	Trương Thị Hường		1960	46/14 Trần Hưng Đạo	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
10	Mã Ngọc Yến		1993	138/13 Trần hưng Đạo	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
11	Huỳnh Hạnh Phúc Em		1980	95B Huỳnh Thúc Kháng	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
12	Lê Ngọc Như Hà		2004	19/13A Huỳnh Thúc Kháng	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
13	Lê Thị Ánh		1965	19/13A Huỳnh Thúc Kháng	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
14	Lê Hoàng Sơn	2002		19/13A Huỳnh Thúc Kháng	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
15	Nguyễn Kim Phụng		1973	19/13A Huỳnh Thúc Kháng	24/11/2021	07/12/2021	**14**	1.120.000	F0
16	Lê Thị Kim Duyên		1990	19/13A Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
17	Trần Minh Ngọc		1996	19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
18	Phan Võ Nhi Hồ Phương Huyên		1984	19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
19	Chung Thanh Huy	1995		19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
20	Chung Thanh Huyền		2006	19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
21	Phan Văn Na	1961		19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
22	Phạm Bảo Ngọc		2004	19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
23	Phạm Thị Kim Quyên		1979	19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
24	Phạm Thị Cẩm Hồng		1961	19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
25	Phạm Thị Cẩm Vân		1968	19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
26	Phạm Anh Duy		1983	19/15 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
27	Nguyễn Thị Phượng Em		1974	19/3 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
28	Nguyễn Chí Bảo	1998		19/3 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
29	Nguyễn Kim Hương		1967	19/7 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
30	Lê Hoàng Hải	1966		19/7 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
31	Trần Quang Toàn		2001	19/13 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
32	Trần Ngọc Mai Anh		01/12/2005	19/13 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
33	Đường Anh Kiệt	1928		19/2 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
34	Chung Thanh Hùng	1982		19/5 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
35	Đường Thị Huỳnh Nga		1968	19/2 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
36	Trần Văn Lý	2001		19/13 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
37	Trần Kim Hoàng		1974	19/13 Huỳnh Thúc Kháng	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
38	Nguyễn Đại Kha	1994		98/68 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
39	Huỳnh Thị Hạnh		1964	95B Huỳnh Thúc Kháng	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
40	Lưu Thị Thu		1983	138/30 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
41	Võ Thanh Tâm	09/06/1975		138/30 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
42	Hồ Hoàng Hiệp	1968		53 Huỳnh Thúc Kháng	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
43	Trương Thị Diễm Trang		1982	182/97 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
44	Nguyễn Lý Phi Đại	2010		182/97 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
45	Trương Thị Hoàng Yến		2013	182/12 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
46	Phan Thị Thanh Sương		1993	182/12 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
47	Trương Hoàng Anh Khuê		2017	182/12 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
48	Hồ Hoàng Phúc	1997		53 Huỳnh Thúc Kháng	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
49	Trương Tố Nga		1970	53 Huỳnh Thúc Kháng	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
50	Hồ Trương Hoàng Quân	2000		53 Huỳnh Thúc Kháng	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
51	Phạm Thị Tiếm		1938	182/97 Trần Hưng Đạo	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
52	Võ Thị Thu Nga		1973	182/53 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
53	Võ Hoàng Kim Thanh		2007	182/53 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
54	Đoàn Thanh Tâm	1981		182/20 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
55	Đoàn Thanh Tùng	1977		182/20 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
56	Lê Thị Sương		1954	182/20 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
57	Nguyễn Lê Quỳnh Như		26/04/2005	182/20 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
58	Đoàn Thanh Tuấn	1979		182/20 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
59	Lâm Ngọc Phương Trinh		1997	182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
60	Lâm Ngọc Tú		1962	182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
61	Đoàn Chính Phong	2009		182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
62	Lê Thị Hồng Thắm		1965	182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
63	Lê Thị Hồng Lý		1976	182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
64	Lê Thị Hồng Lan	1974	1974	182/18 Trần Hưng Đạo	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
65	Võ Tuyết Vy		2009	182/30 Trần Hưng Đạo	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0
66	Võ Tuyết Thanh		09/01/2006	182/30 Trần Hưng Đạo	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0
67	Nguyễn Thị Loan		1984	182/16B Trần Hưng Đạo	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
68	Nguyễn Hoàng Bảo Thành	1989		182/21 Trần Hưng Đạo	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
69	Nguyễn Thành Tín	1998		182/14B Trần Hưng Đạo	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
70	Nguyễn Hoàng Thiên Định	2017		182/21 Trần Hưng Đạo	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
71	Phạm Hoàng Phượng		18/12/1963	62 Mậu Thân	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
72	Lê Tấn Sang	1997		62 Mậu Thân	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
73	Nguyễn Duy Luân	1969		89/1 Huỳnh Thúc Kháng	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
74	Nguyễn Bảo Di		2008	182/14B Trần Hưng Đạo	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
75	Võ Chung Thành	1977		100 Nguyễn Cư Trinh	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
76	Nguyễn Thành Thắng	1985		100 Nguyễn Cư Trinh	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
77	Hồ Trường Hải	1990		2 Trần Hưng Đạo	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
78	Liang Triển Quìn		2010	45/23 Huỳnh Thúc Kháng	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
79	Trịnh Cẩm Huyền		1987	25 Nguyễn Cư Trinh	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
80	Lê Trương Thiên Thư		1987	37/11 Huỳnh Thúc Kháng	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
81	Trần Bạch Bảo Ngọc		2013	127 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
82	Phạm Thảo Vy		2001	6/10 Trần Hưng Đạo	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
83	Lê Gia Hân		24/04/2004	149/26C Huỳnh Thúc kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
84	Trần Thị Thảo Trâm		1987	19 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
85	Bùi Gia Bảo	2016		19 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
86	Lê Thị Thanh Tâm		1955	19 Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
87	Trần Thị Minh Ngọc		1995	30Z Cao Thắng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
88	Nguyễn Việt Bảo Uyên		2009	25 Nguyễn Cư Trinh	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
89	Nguyễn Phúc Thịnh	2012		25 Nguyễn Cư Trinh	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
90	Huỳnh Thị Hữu		1996	25 Huỳnh Thúc Kháng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
91	Phạm Minh Tuấn	2010		98/14 Trần Hưng đạo	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
92	Phạm Mai Phương		2014	98/14 Trần Hưng Đạo	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
93	Mai Thảo Nguyên		2007	177N Huỳnh Thúc Kháng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
94	Lê Thị Thu		1982	177N Huỳnh Thúc Kháng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
95	Nguyễn Văn Đầy	1971		19/3 Huỳnh Thúc Kháng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
96	Nguyễn Ngọc Thuận		2003	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
97	Tô Thị Việt Anh		1947	25 Nguyễn Cư Trinh	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
98	Phan Văn Chí	1968		138/29/2 Trần Hưng Đạo	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
99	Lê Thanh Trường	2000		30A Mậu Thân	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
100	Trương Đình Tuấn	1983		53/20 Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
101	Nguyễn Hiếu Tâm	1958		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
102	Nguyễn Hoài Thương	2012		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
103	Đặng Ngọc Thiên Anh		2014	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
104	Nguyễn Thị Nhớ		1985	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
105	Dương Kim Hiệp		1972	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
106	Nguyễn Thị Thu Thuỷ		1964	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
107	Nguyễn Tân Thời	2017		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
108	Nguyễn Hiếu Long	1966		149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
109	Lê Thị Hậu		1989	149/29B Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
110	Võ Thị Nương		1980	149/24 Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
111	Mai Văn Hiệp	1969		100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
112	Nguyễn Quốc Đang	1985		100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
113	Trần Diệp Hoàng Minh	1987		100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
114	Nguyễn Minh Đậm		1983	100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
115	Nguyễn Tuấn Huy	1995		100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
116	Nguyễn Thị Huỳnh Như		1988	138/100/7A Trần Hưng Đạo	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
117	Nguyễn Minh Toàn	1986		138/100/7A Trần Hưng Đạo	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
118	Nguyễn Thị Ngọc Ngân		1998	149/19 Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
119	Bùi Thị Thuỳ Trang		1983	100 Nguyễn Cư Trinh	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
120	Nguyễn Như Huỳnh	1981		70/20B Trần Hưng Đạo	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
121	Huỳnh Lê Thanh Phương	1988		89/79 Huỳnh Thúc Kháng	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
122	Lê Thị Diệp Nga		1976	149/19 Huỳnh Thúc Kháng	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
123	Trần Thị Ngoàn		1976	149/28D Huỳnh Thúc Kháng	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
124	Nguyễn Thị Hoành		1950	93 Nguyễn Cư Trinh	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
125	Thái Nguyệt Mừng		1942	182/67 Trần Hưng Đạo	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
126	Thái Thị Bứt		1946	182/67 Trần Hưng Đạo	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
127	Nguyễn Thị Thu Hương		1966	70/2C Trần Hưng Đạo	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0
128	Lê Thị Ngọc Huệ		1993	218/15A Trần Hưng Đạo trọ P11	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
129	Nguyễn Văn Ngọc	1973		149/19 Huỳnh Thúc Kháng	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
130	La Huỳnh Hồ	1969		149/28D Huỳnh Thúc Kháng	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
131	Dương Thị Nụ		1984	149/26E Huỳnh Thúc Kháng	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
132	Nguyễn Thị Thu		01/01/1936	182/30 Trần Hưng Đạo	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
133	Trần Quốc Tuấn	1993		138/134A Trần Hưng Đạo	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
134	Trần Ngọc Như Ý		2018	70/20B Trần Hưng Đạo	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
135	Trần Quốc Vinh	1991		138/29/7 Trần Hưng Đạo	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
136	Nguyễn Việt Thắng	1981		100 Nguyễn Cư Trinh	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
137	Phạm Lý Hoàng Tùng	1989		8 Nguyễn Văn Trỗi	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
138	Larry Broadhurst	1943		138/90/14 Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
139	Huỳnh Đức Tài	2001		6/1 Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
140	Trần Hoàng Nam	1966		138/134A Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
141	Lê Nguyễn Ngọc Khánh		1994	98/45 Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
142	Lê Thị Nga		1937	89/12 Huỳnh Thúc Kháng	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
143	Lâm Văn Minh	1961		89/12 Huỳnh Thúc Kháng	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
144	Trần Lê Tuấn Anh	2003		138/134A Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
145	Trần Đức Tùng Quân	2018		138/134A Trần Hưng Đạo	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
146	Ngô Đoàn Ngọc Trân		1968	149/32A Huỳnh Thúc Kháng	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
147	Nguyễn Thị Ngọc Như		2013	149/19 Huỳnh Thúc Kháng	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
148	Lý Thị Liên Hương		1973	168B Trần Hưng Đạo	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
149	Lý Anh Tuấn	1951		168B Trần Hưng Đạo	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
150	Võ Thị Bảy		1951	138/17 Trần Hưng Đạo	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
151	Đặng Thị Thiên Hương		1968	149/32D Huỳnh Thúc Kháng	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
152	Võ Anh Quốc	1990		138/100/1 Trần Hưng Đạo	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
153	Nguyễn Anh Thư		2016	70 Nguyễn Cư Trinh	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
154	Nguyễn Minh Thơ		2019	70 Nguyễn Cư Trinh	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
155	Lê Quang Lập	1949		149/26C Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
156	Phạm Thị Tư		1951	149/26C Huỳnh Thúc Kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
157	Nguyễn Đạt Phương Dung		2002	138/55 Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
158	Lý Thị Mai Loan		1962	168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
159	Trịnh Quốc Hưng	1964		168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
160	Nguyễn Thị Năm		1947	168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
161	Trần Đình Khương	1958		168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
162	Nguyễn Ngọc Song		1958	168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
163	Nguyễn Văn Cảnh	1970		138/122 Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
164	Nguyễn Thanh Giang	1999		195/2 Huỳnh Thúc Kháng	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
165	Trần Quốc Việt	2004		138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
166	Trần Quốc Trưởng	1973		138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
167	Nguyễn Thị Mỹ Liên		1979	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
168	Lê Thị Lớn		1952	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
169	Nguyễn Cảnh Huy	2002		138/122 Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
170	Nguyễn Thị Diễm		1974	70/6/24 Trần Hưng Đạo	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
171	Nguyễn Minh Hùng	1963		138/100/7A Trần Hưng Đạo	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
172	Nguyễn Thị Bé		1962	138/100/7A Trần Hưng Đạo	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
173	Nguyễn Minh Bảo Trâm		2007	98/47A Trần Hưng Đạo	04/10/2021	18/10/2021	**15**	1.200.000	F0
174	Nguyễn Minh Thiện	2018		98/47A Trần Hưng Đạo	04/10/2021	18/10/2021	**15**	1.200.000	F0
175	Hồ Hoàng Lâm	1976		100 Nguyễn Cư Trinh	20/11/2021	03/12/2021	**14**	1.120.000	F0
176	Phan Minh Hưng	1988		100 Nguyễn Cư Trinh	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
177	Dương Bảo Hân		2012	27 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
178	Dương Bảo Nghi		2007	27 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
179	Dương Thúy Hằng		1979	149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
180	Nguyễn Phương Anh Quân	1982		149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
181	Nguyễn Dương Anh Khôi	2011		149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
182	Nguyễn Thị Bê		1951	149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
183	Nguyễn Phương Vấn		1946	149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
184	Nguyễn Phương Anh Huy	1979		149/2 Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
185	Lê Hữu Khôi	2012		4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
186	Lê Thiếu Phương	1953		4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
187	Lê Hữu Duyên	1979		4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
188	Đoàn Kim Lệ		1954	4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
189	Lê Hồng Vân		1981	4 Nguyễn Cư Trinh	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
190	Đặng Thị Liên		1970	182/85 Trần Hưng Đạo	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
191	Nguyễn Minh Thông	1955		98 Nguyễn Cư Trinh	24/12/2021	30/12/2021	**7**	560.000	F1
192	Lê Duy Mạnh	2012		149/26C Huỳnh Thúc Kháng	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
193	Trần Thị Mai Quyên		1998	168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
194	Trần Đình Khương	1958		168B Trần Hưng Đạo	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
195	Lê Quang Tú	1988		149/26C Huỳnh Thúc Kháng	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
196	Lưu Phước Minh	1977		138/17 Trần Hưng Đạo	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F1
197	Võ Thị Bảy		1951	138/17 Trần Hưng Đạo	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F1
198	Huỳnh Thị Bé		1958	70/18 Trần Hưng Đạo	23/12/2021	29/12/2021	**7**	560.000	F1
199	Huỳnh Thị Thu Hồng		1965	70/18 Trần Hưng Đạo	23/12/2021	29/12/2021	**7**	560.000	F1
200	Nguyễn Hữu Minh	1934		53/64 Huỳnh Thúc Kháng	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F1
201	Trần Thị Ngọc Liên		1990	149/32G Huỳnh Thúc Kháng	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F1
202	Trần Quốc Nam	13/11/2005		149/32G Huỳnh Thúc Kháng	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F1
203	Bùi Gia Lâm	2013		19 Huỳnh Thúc Kháng	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
204	Trần Tố Như		2017	3 Nguyễn Cư Trinh	19/12/2021	25/12/2021	**7**	560.000	F1
205	Trần Anh Thư		2012	3 Nguyễn Cư Trinh	19/12/2021	25/12/2021	**7**	560.000	F1
206	Nguyễn Hữu Kháng	1950		125A Huỳnh Thúc Kháng	24/12/2021	30/12/2021	**7**	560.000	F1
207	Hồ Thanh Hương		1948	125A Huỳnh Thúc Kháng	24/12/2021	30/12/2021	**7**	560.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
208	Trần Quốc Khánh	1984		125A Huỳnh Thúc Kháng	24/12/2021	30/12/2021	**7**	560.000	F1
209	Nguyễn Quốc Khánh	2010		125A Huỳnh Thúc Kháng	24/12/2021	30/12/2021	**7**	560.000	F1
210	Nguyễn Hải Yến		1983	98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F1
211	Nguyễn Ngọc Tân	1981		131 Huỳnh Thúc Kháng	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
212	Nguyễn Ngọc Trân		1986	131 Huỳnh Thúc Kháng	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
213	Nguyễn Ngọc Ánh	1956		131 Huỳnh Thúc Kháng	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
214	Nguyễn Ngọc Thảo	2008		131 Huỳnh Thúc Kháng	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
215	Lê Thiị Yến Nhi		1990	30Z Cao Thắng	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
216	Nguyễn Thành Đạt	2007		98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F1
217	Nguyễn Thanh Hải	1980		98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F1
218	Trần Thị Cúc		1984	98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F1
219	Nguyễn Thanh Tâm	1958		98/23 Trần Hưng Đạo	21/11/2021	04/12/2021	**14**	1.120.000	F1
220	Trần Thị Dung		1980	30A Mậu Thân	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
221	Lê Thanh Tuấn	1977		30A Mậu Thân	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
222	Lê Thanh Duy	2/10/2006		30A Mậu Thân	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
223	Phan Thị Thùy Dương		1999	138/110 Trần Hưng Đạo	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
224	Phan Thị Bích Trâm		1996	138/110 Trần Hưng Đạo	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
225	Huỳnh Thanh Tuấn	1982		95B Huỳnh Thúc Kháng	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F1
226	Huỳnh Ngọc Thái	2010		95B Huỳnh Thúc Kháng	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F1
227	Bạch Như Tuyết		1992	70 Nguyễn Cư Trinh	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F1
228	Nguyễn Thị Kim Hoa		1961	70/6/24 Trần Hưng Đạo	17/12/2021	23/12/2021	**7**	560.000	F1
229	Phạm Thị Yến Nhi		1997	70/2C Trần Hưng Đạo	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
230	Huỳnh Hoàng Nam	2001		157C Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
231	Trần Thị Mỹ Lan		1990	157C Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
232	Đoàn Ngọc Sang	2004		157C Huỳnh Thúc Kháng	18/12/2021	24/12/2021	**7**	560.000	F1
233	Nguyễn Thị Thuỳ Dung		29/8/1996	149/26A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	23/12/2021	29/12/2021	**7**	560.000	F1
234	Phạm Văn Bình	1/1/1994		149/26A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	23/12/2021	29/12/2021	**7**	560.000	F1
235	Nguyễn Quỳnh Như		18/12/1999	149/26A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	23/12/2021	29/12/2021	**7**	560.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
236	Liang Triệu	7/8/1960		45/23 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
237	Trần Văn Giỏi	12/6/2003		45/24 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
238	Phan Văn Mịch	25/12/1962		138/110 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	25/11/2021	8/12/2021	**14**	1.120.000	F1
239	Phan Thị Thuỳ Trang		2/8/2004	218/24/13 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	17/12/2021	23/12/2021	**7**	560.000	F1
240	Bùi Cẩm Tú		17/4/1992	218/24/13 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	17/12/2021	23/12/2021	**7**	560.000	F1
241	Trần Thị Thanh Hồng		1/6/1963	218/24/13 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	17/12/2021	23/12/2021	**7**	560.000	F1
242	Bùi Văn Tuấn	25/11/1962		218/24/13 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	17/12/2021	23/12/2021	**7**	560.000	F1
243	Nguyễn Nhựt Thanh	5/4/2000		218/41C Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	9/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
244	Chung Thị Kim Sang		1/4/1958	62 Nguyễn Cư Trinh, An Nghiệp	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F1
245	Nguyễn Thành Tâm	9/6/1961		62 Nguyễn Cư Trinh, An Nghiệp	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F1
246	Trần Khánh Hà		4/12/1994	62 Nguyễn Cư Trinh, An Nghiệp	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F1
247	Hoàng Thị Tám		17/6/1948	98/14 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
248	Trần Minh Giàu	1/2/1983		138/28 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
249	Trương Thị Vân		1/1/1952	138/28 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
250	Nguyễn Thị Thu Hà		6/12/1983	138/28 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
251	Trần Minh Phú	29/4/1980		138/28 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
252	Nguyễn Ngọc Tiên		30/4/2021	182/14B Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	2/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F1
253	Nguyễn Bảo Kiệt	1/9/2018		182/14B Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	2/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F1
254	Tô Thiên Di		2/1/2019	138/130 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
255	Tô Thiên Thư		2020	138/130 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
256	Nguyễn Minh Tấn	1/8/1972		149/7B Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	19/12/2021	25/12/2021	**7**	560.000	F1
257	Nguyễn Thị Yến Nhi		21/8/2001	149/7B Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	19/12/2021	25/12/2021	**7**	560.000	F1
258	Nguyễn Thị Hồng Phương		8/9/1987	45/36A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F1
259	Nguyễn Nhật Nam	14/6/2017		45/36A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F1
260	Hồ Anh Thư	7/2/1968		174B Mậu Thân, An Nghiệp	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
261	Nguyễn Thị Đan Thuỵ		26/11/1978	174B Mậu Thân, An Nghiệp	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
262	Nguyễn Thị Lệ Thẩm		1/10/1946	174B Mậu Thân, An Nghiệp	21/12/2021	27/12/2021	**7**	560.000	F1
263	La Huỳnh Trúc Ly		10/7/2003	149/28D Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
264	La Thị Quỳnh Như		27/1/1998	149/28D Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1
265	Châu Hồng Ngân		23/5/1976	51 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1
266	Lê Thiếu Long	22/3/2017		4 Nguyễn Cư Trinh, An Nghiệp	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
267	Trần Ngọc Sơn	3/11/1967		127 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	4/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
268	Trần Đỗ Thành Đạt	27/3/1992		138/100/9 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	4/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
269	Đỗ Thị Kim Chi		18/6/1995	138/100/9 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	4/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
270	Đường Thị Huỳnh Mai		1/1/1966	19/2 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F1
271	Lê Văn Nhựt	6/4/1969		19/13A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	23/11/2021	6/12/2021	**14**	1.120.000	F1
272	Trần Thị Lệ Hà		1966	19A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	24/11/2021	7/12/2021	**14**	1.120.000	F1
273	Yép Thị Hoa Sa Vi		3/9/1985	19A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	24/11/2021	7/12/2021	**14**	1.120.000	F1
274	Nguyễn Trung Tính	7/1/1975		19A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	24/11/2021	7/12/2021	**14**	1.120.000	F1
275	Lê Thị Thanh Thuý		25/6/1978	19A Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	24/11/2021	7/12/2021	**14**	1.120.000	F1
276	Trương Kim Oanh		1/8/1953	37/11 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
277	Hà Thị Kim Liêng		1940	89/1 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
278	Nguyễn Thị Thu Hương		23/11/1966	70/2C Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
279	Phạm Thị Mỹ Nhân		25/2/1972	70/2C Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
280	Nguyễn Thị Chiêu		1939	70/2C Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
281	Huỳnh Thiếu Quảng	24/8/1945		2I Mậu Thân, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
282	Trương Thị Mỹ Diệp		12/11/1948	2I Mậu Thân, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
283	Huỳnh Thị Sóc Hương		21/2/1978	2I Mậu Thân, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
284	Khưu Tú Ngân		8/4/2000	2I Mậu Thân, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
285	Khưu Tấn Tài	30/3/2003		2I Mậu Thân, An Nghiệp	20/12/2021	26/12/2021	**7**	560.000	F1
286	Nguyễn Minh Xuân Trúc		25/7/2016	138/100/7A Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	9/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
287	Lê Thị Cẩm Lào		15/5/1966	138/134A Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1
288	Nguyễn Võ Đào Vi		9/3/1993	138/134A Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1
289	Phạm Thanh Tùng	19/9/1994		138/134 Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F1
290	Lê Dư Dã	12/9/1954		37/11 Huỳnh Thúc Kháng, An Nghiệp	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
291	Nguyễn Nhựt Phương Thuỳ		8/4/2008	182/16B Trần Hưng Đạo, An Nghiệp	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
292	Trần Quang An	19/5/1951		19/13 HTK	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F1
293	Trần Quốc Kiệt	16/7/2011		70/20B THĐ	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F1
294	Nguyễn Tấn Hưng	1/1/1931		89/30 HTK	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
295	Lâm Quí Phát	4/4/2007		89/30 HTK	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
296	Nguyễn Thị Hạnh		20/7/1968	89/30 HTK	25/12/2021	31/12/2021	**7**	560.000	F1
297	Huỳnh Văn Đức	16/7/1963		6/1 THĐ	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F1
298	Nguyễn Thị Cẩm		1965	6/1 THĐ	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F1
299	Mai Thị Kim Chi		4/5/1958	6/10 THĐ	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
300	Phạm Thuý Vy		12/3/2001	6/10 THĐ	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
301	Nguyễn Đình Phúc	5/6/2017		25 NCT	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
302	Nguyễn Hữu Nhị	29/8/1971		168B THĐ	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F1
303	Phan Thị Thuý Vy		5/11/2010	182/56 THĐ	9/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
304	Nguyễn Văn Đạt	21/1/1968		18/55 THĐ	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
305	Nguyễn Thị Dung		3/7/1965	138/55 THĐ	15/12/2022	28/12/2022	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
306	Cao Thị Tuyết Mai		7/9/1981	98/14 THĐ	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
307	Phạm Văn Lịch	9/7/1981		98/14 THĐ	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
308	Nguyễn Thị Cẩm Thuý		18/1/1968	138/29/2 THĐ	9/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F1
309	Phạm Văn Phú	20/11/1966		70/2C THĐ	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
310	Trần Thanh Phong	22/6/1981		70/20B THĐ	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F1
311	Nguyễn Thị Bé Bảy		18/3/1960	30Z CT	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
312	Trần Thị Quế Châu		4/11/1992	30Z CT	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
313	Trần Thị Như Quỳnh		24/3/1987	30Z CT	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
314	Ngô Trung Sở	18/11/1946		25 NCT	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
315	Lê Quang Tuấn	19/10/1958		62 MT	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
316	Lê Tấn Phát	18/6/1994		62 MT	3/12/2022	16/12/2022	**14**	1.120.000	F1
317	Âu Thị Ngọc Phượng		11/2/1980	149/17 HTK	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
318	Nguyễn Thành Trực	25/12/1976		149/17 HTK	6/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F1
319	Phạm Ngọc Ánh	1/11/1980		177N HTK	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
320	Huỳnh Thị Thanh Hương		20/12/1957	19/5 HTK	23/11/2021	6/12/2021	**14**	1.120.000	F1
321	Nguyễn Thị Thu Hà		19/5/1953	89/19A HTK	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F1
322	Trần Văn Lực	1946		46/14 THĐ	22/11/2021	5/12/2021	**14**	1.120.000	F1
323	Võ Thị Mỹ Châu		30/12/1970	138/100/1 THĐ	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
324	Trương Hoàng Vũ	12/12/1991		182/12 THĐ	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F1
325	Nguyễn Thành Nhân	1976		182/148 THĐ	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
326	Phạm Minh Tuấn	19/6/1988		149/26F THĐ	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F1
327	Hồ Nguyệt Chiêu		13/10/1998	2 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
328	Dương Ngọc An		1968	2 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
329	Hồ Xuân Tùng	1/1/1970		2 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
330	Trần Thị Ngọc Thanh		26/4/1987	182/14B HTK	2/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F1
331	Nguyễn Thanh Phương Tâm		10/9/1984	182/14B HTK	2/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F1
332	Nguyễn Văn Bé	7/1/1952		182/14B HTK	2/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F1
333	Nguyễn Hoàng Vũ	10/12/1966		182/21 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
334	Đinh Thị Hồng Ngọc		24/10/1992	182/21 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
335	Lê Thị Thanh Hằng		14/10/1964	182/21 THĐ	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
336	Võ Mạnh Phi	22/10/2000		182/54 THĐ	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
337	Võ Hoàng Quốc Trường	17/1/1972		182/53 THĐ	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F1
338	Trịnh Thị Nguyệt		13/9/1978	89/1 HTK	3/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F1
339	Nguyễn Thị Thanh Xuân		21/11/1988	45/2 HTK	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F1
340	Nguyễn Hùng Cường	30/4/1966		45/2 HTK	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F1
341	Nguyễn Thị Thanh Thuý		15/6/1966	45/2 HTK	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F1
342	Trần Thành Đông	27/12/1993		89/19/1 HTK	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F1
343	Nguyễn Tấn Nhơn	1953		89/19/1 HTK	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F1
344	Nguyễn Thị Mỹ Linh		4/2/1971	138/130 THĐ	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
345	Trịnh Mỹ Ngọc		28/1/1993	138/130 THĐ	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
346	Tô Thành Lộc	19/1/1994		138/130 THĐ	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F1
347	Huỳnh Thành Lợi	27/10/1987		25 HTK	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
348	Đường Thị Chên	1/1/1946		25 HTK	7/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F1
349	Trần Bạch Bảo Khanh		8/5/2002	127 HTK	4/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
350	Bạch Ngọc Tuyết Trinh		1/1/1974	127 HTK	4/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F1
351	Trương Thị Ngọc Diện		16/10/1969	182/97A THĐ	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F1
352	Nguyễn Thành Đạt	25/4/2004		182/97A THĐ	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F1
353	Nguyễn Minh Phụng	1967		182/97A THĐ	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F1
354	Lê Minh Hiếu	1989		4 Nguyễn Cư Trinh	27/11/2021	10/12/2021	**14**	1.120.000	F0
355	Nguyễn Nhựt Huy	1978		182/16B Trần Hưng Đạo	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0
356	Lê Quang Vinh	24/01/2010		149/26C Huỳnh Thúc kháng	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
357	Nguyễn Nhựt Nam	2001		80 Mậu Thân (AV Gia Việt)	07/12/2021	20/12/2021	**14**	1.120.000	F0
358	Lưu Phước Thành	1950		139/17 Trần Hưng Đạo	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
359	Nguyễn Ngọc Minh	2003		141A Huỳnh Thúc Kháng	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
360	Châu Hùng Tiến	1976		51 Huỳnh Thúc Kháng	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
361	Nguyễn Ngọc Xuân		2010	138/122 Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
362	Trần Cát Tiên		2017	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
363	Trần Cát Tường		2007	138/28C Trần Hưng Đạo	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
	Phường Hưng Lợi								
1	Đoàn Ái Nhơn	1976		141/23 đường 30/4, KV2	5/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
2	Trần Việt Anh	1984		78 Ngô Sĩ Liên, KV5	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
3	Nguyễn Châu Khoa		1/1/1985	2/62D đường 3/2, KV6	26/11/2021	09/12/2021	**14**	1.120.000	F0
4	Phạm Thị Lệ Quyên		5/8/1989	2/32D đường 3/2, KV6	16/12/2021	29/12/2021	**14**	1.120.000	F0
5	Lâm Thị Phương Loan		30/05/1985	160/18H Tầm Vu, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
6	Nguyễn Thúy An		15/07/1983	91/43C đường 30/4, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
7	Nguyễn Việt Hòa		03/03/1955	91/43C đường 30/4, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
8	Nguyễn Thị Kim Hường		18/01/1988	58G đường 30/4, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
9	Hồ Ngọc Sơn		1957	304/4C Tầm Vu, KV1	21/11/2021	4/12/2021	**14**	1.120.000	F0
10	Nguyễn Đặng Tuệ Trí	27/12/1984		Cạnh 160/18H Tầm Vu, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
11	Lưu Hữu Phước	27/12/1957		43 đường số 3 KDC Metro, KV5	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
12	Trần Thị Kim Yến		06/06/1996	50/57 Trần Hoàng Na, KV2	8/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
13	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1980	69/21C đường 30/4, KV3	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
14	Huỳnh Phi Long	09/10/1986		38/28/4D đường 3/2, KV6	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
15	Hoàng Quyên		01/11/1997	88/4 đường 30/4, KV3	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
16	Nguyễn Quốc Dương	01/01/1997		148/247/11/1A đường 3/2, KV5	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
17	Lê Hoàng Anh	01/01/1992		130 đường số 4 KDC Metro, KV5	15/12/2021	29/12/2021	**15**	1.200.000	F0
18	Nguyễn Thị Tuyết Như		15/06/1997	58/45A đường 3/2, KV6	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
19	Trần Thị Thùy Du		08/02/1968	102/2B đường 3/2, KV6	12/12/2021	26/12/2021	**15**	1.200.000	F0
20	Nguyễn Thị Chiên		20/05/1968	304/4C Tầm Vu, KV1	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
21	Tiêu Nhật Duy	16/12/2000		360A Tầm Vu, KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
22	Nguyễn Thanh Bình	10/07/1999		360A Tầm Vu, KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
23	Nguyễn Đăng Khoa	16/11/2000		360A Tầm Vu, KV1	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
24	Lê Quang Đại Dương	10/09/1998		88/4/4 đường 30/4, KV3	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
25	Nguyễn Kim Ngân		20/04/1996	30/39 Nguyễn Văn Linh, KV5	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
26	Nguyễn Văn Tiền	11/09/1998		479 đường 30/4, KV2	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
27	Lữ Thị Lan		01/01/1968	246/16 Tầm Vu, KV1	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
28	Nguyễn Thị Kim Yến		01/02/1991	160/44 Tầm Vu, KV2	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
29	Tiêu Kiều My		17/01/1995	91/11/10 hẻm 547 đường 30/4, KV2	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
30	Châu Trần Khả	01/09/1992		216/25C1 Tầm Vu, KV1	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
31	Nguyễn Thị Mỹ Phước		23/02/1997	216/25C1 Tầm Vu, KV1	26/11/2021	9/12/2021	**14**	1.120.000	F0
32	Lê Thúy Hơn		10/04/1996	211/8D Hẻm 2 Nguyễn Văn Linh, KV5	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
33	Huỳnh Văn Bé Ba	01/01/1989		69/39/1 Hẻm 583 đường 30/4, KV3	26/11/2021	09/12/2021	**14**	1.120.000	F0
34	Nguyễn Thị Ngọc Minh		23/04/1994	69/39/1 Hẻm 583 đường 30/4, KV3	26/11/2021	09/12/2021	**14**	1.120.000	F0
35	Cao Xuân Xuyến		20/09/1997	58A/44 đường 3/2, KV6	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
36	Đinh Hồng Nhung		21/02/1986	246/7c Tầm vu, KV1	14/12/2021	23/12/2021	**10**	800.000	F0
37	Nguyễn Trọng Toàn	06/02/1983		12/28 - 3/2, KV6	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
38	Đinh Quốc Bảo	16/02/1997		618 - 30/4, KV3	25/11/2021	08/12/2021	**14**	1.120.000	F0
39	Mai Văn Điệp	1970		91/30A - 30/4, KV2	23/11/2021	05/12/2021	**13**	1.040.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
40	Mai Thị Huỳnh Như		28/11/2004	31/30R - 30/4, KV2	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
41	Lê Thị Kim Sa		15/07/1979	102/44G - 3/2, KV6	08/12/2021	23/12/2021	**16**	1.280.000	F0
42	Hồ Thị Mỹ Dung		04/12/1985	132/8A - 3/2, KV5	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
43	Huỳnh Thị Diễm My		14/08/2001	29/132 - 3/2, KV6	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
44	Trương Phước Thiện	14/09/2000		132/29 - 3/2, KV6	12/12/2021	26/12/2021	**15**	1.200.000	F0
45	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ		12/09/2001	132/29 - 3/2, KV6	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
46	Nguyễn Tấn Đạt	16/03/2000		132/29 - 3/2, KV6	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
47	Nguyễn Bảo Ngọc		27/10/1989	421 - 30/4, KV2	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
48	Hồ Thanh Trúc		22/02/1979	C45/13, Hẻm 635 - 30/4, KV3	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
49	Lê Thị Thanh Ly		27/03/1987	172B Tầm vu, KV1	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
50	Nguyễn Thành Nghĩa	09/08/1987		172B Tầm vu, KV1	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
51	Nguyễn Thành Nhân	03/10/1985		172B Tầm vu, KV1	07/12/2021	19/12/2021	**13**	1.040.000	F0
52	Thạch Quốc Cường	28/08/1984		216/29B/8 Tầm vu, KV1	04/12/2021	18/12/2021	**15**	1.200.000	F0
53	Lê Văn Cường	30/05/1980		50/3A Trần Hoàng Na, KV2	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
54	Lê Trung Kiên	11/04/1996		278/26 Tầm Vu, KV1	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
55	Thạch Dương Kha	20/04/1992		70 - 3/2, KV3	01/12/2021	14/12/2021	**14**	1.120.000	F0
56	Lê Hoàng Minh Giàu		05/11/2004	69/13 - 30/4, KV3	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
57	La Hoàng Khải	25/01/1997		250/8E Tầm vu, KV1	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0
58	Trần Minh Đạt	01/07/1993		250/8 Tầm vu, KV1	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
59	La Thị Kiểm		15/06/1981	250/8 Tầm vu, KV1	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
60	La Thị Như Ý		10/04/2002	250/8 Tầm vu, KV1	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
61	Bùi Quốc Việt	01/01/1983		189 - 3/2, KV3	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
62	Sơn Quên	1985		189 - 3/2, KV3	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
63	Lê Thị Hoàng Trúc		12/12/1993	160/36/6C Tầm vu, KV2	09/12/2021	23/12/2021	**15**	1.200.000	F0
64	Huỳnh Phước Nghiêm	18/03/1974		216/14A - 3/2, KV5	13/12/2021	27/12/2021	**15**	1.200.000	F0
65	Lê Tấn Phát		10/01/1974	69/39/28, Hẻm 583 - 30/4, KV3	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
66	Đỗ Thị Ngọc Ân		19/07/1999	102/42 - 3/2	12/12/2021	26/12/2021	**15**	1.200.000	F0
67	Phạm Chí Sang	09/09/1999		27 Quảng Trọng Hoàng, KV4	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
68	Lê Minh Trí	11/09/2000		132/28 - 3/2, KV5	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
69	Võ Minh Tính	08/10/1995		NT Hoàng My, Hẻm 216 - 3/2, KV5	09/12/2021	22/12/2021	**14**	1.120.000	F0
70	Hoàng Thị Thu Phương		01/09/1988	151/49/12 Trần Hoàng Na	06/12/2021	19/12/2021	**14**	1.120.000	F0
71	Phạm Thị Hòa		22/03/1998	132/55 - 3/2	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
72	Nguyễn Ngọc Diễm Huyền		20/11/1995	102/66A - 3/2, KV6	15/12/2021	28/12/2021	**14**	1.120.000	F0
73	Lê Thị Hoài Thu		26/08/1980	178/C21 Tần vu, KV1	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
74	Tô Văn Nghiệp	06/02/1982		178/48/1 Lý Chính Thắng, KV4	14/12/2021	28/12/2021	**15**	1.200.000	F0
75	Nguyễn Thị Nhành		1942	91/30 - 30/4, KV2	23/11/2021	06/12/2021	**14**	1.120.000	F0
76	Lê Thị Minh Thảo		15/06/1982	69/4 - 30/4, KV2	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
77	Trần Tuấn Vũ	25/03/1991		190/13/10 - 30/4, KV3	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0
78	Phạm Trí Thanh	05/11/1999		290 - 30/4, KV4	14/12/2021	28/12/2021	**15**	1.200.000	F0
79	Hồ Thị Vân Anh		09/01/1994	69/63/16A - 30/4, KV3	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
80	Lê Thị Ngân		15/07/1997	Phòng 3, 19B Trần Hoàng Na, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
81	Tô Quốc Cường	01/01/1993		69/63/16A - 30/4, KV3	30/11/2021	13/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
82	Huỳnh Thị Kim Hạnh		10/11/1971	Trọ 15 Nguyễn Văn Linh, KV5	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
83	Huỳnh Trần Hiền Nhân	24/11/1990		114/20 Tầm vu, KV2	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
84	Đặng Việt Ánh		1962	304/18C Tầm vu, KV1	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
85	Khưu Thị Mỹ Hạnh		21/04/1992	278/25/16B Tầm vu, KV1	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
86	Phan Nhật Minh	13/01/1993		27 Lê Bình, KV4	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
87	Nguyễn Văn Bền	01/04/1997		160/24K Tầm vu, KV2	11/12/2021	24/12/2021	**14**	1.120.000	F0
88	Quách Thanh Phương	01/06/1999		Hẻm 49 Trần Hoàng Na	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
89	Nguyễn Tấn Tài	25/11/1992		12/36 - 3/2, KV6	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
90	Nguyễn Lữ Bình Trọng	01/04/2000		01 Quảng Trọng Hoàng, KV4	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
91	Trần Nguyễn Minh Tấn	27/10/1995		69/39 - 30/4, KV3	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
92	Phạm Minh Tân	10/04/1979		211/10 Nguyễn Văn Linh, KV4	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
93	Đỗ Thùy Linh		10/10/1996	40B Trần Hoàng Na, KV2	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
94	Mai Quốc Việt	20/08/1964		174B Lê Bình, KV4	05/12/2021	18/12/2021	**14**	1.120.000	F0
95	Lương Thị Nguyên Thảo		22/12/1981	316/1 - 30/4, KV4	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
96	Phan Văn Tòng	1978		465A/14 An Bình, KV7	24/11/2021	10/12/2021	**17**	1.360.000	F0
97	Nguyễn Thụy Thúy Ái		07/07/1999	39 đường số 3 KDC Metro, KV5	26/11/2021	11/12/2021	**16**	1.280.000	F0
98	Nguyễn Khánh Tường	27/06/1997		39 đường số 3 KDC Metro, KV5	26/11/2021	11/12/2021	**16**	1.280.000	F0
99	Phan Thị Hồng Loan		29/08/2001	Hẻm 49 Trần Hoàng Na, KV2	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
100	Trần Minh Trí	11/12/2000		132/26 - 3/2 (trọ 10 tam phòng A8), KV5	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
101	Đoàn Hoàng Kha	19/02/1999		132/26 - 3/2 phòng A8, KV5	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
102	Ngô Thị Thúy Quỳnh		17/12/2000	132/8/14A - 3/2, KV5	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
103	Nguyễn Mạnh Tiến	22/05/1986		33B Nguyễn Văn Linh, KV5	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
104	Võ Thị Hồng Nhung		27/03/1986	33B Nguyễn Văn Linh, KV5	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
105	Trịnh Phương Thảo		18/12/1985	38/30 - 3/2, KV6	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
106	Thái Trọng Vinh	15/05/1975		38/30 - 3/2, KV6	12/12/2021	25/12/2021	**14**	1.120.000	F0
107	Quách Thuận Anh		30/09/1996	102/62A - 3/2, KV6	08/12/2021	21/12/2021	**14**	1.120.000	F0
108	Đỗ Thị Phụng		01/01/1980	216/17B Tầm vu, KV1	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
109	Phạm Võ Kim Ngân		17/08/1979	216/17B Tầm vu, KV1	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
110	Lê Văn Nam	25/09/1960		102/48A - 3/2, KV6	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
111	Lê Như Ý		24/04/1996	102/48A - 3/2, KV6	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
112	Nguyễn Thị Thùy Dương		07/10/1998	278/26 Tầm vu, KV1	08/12/2021	28/12/2021	**21**	1.680.000	F0
113	Huỳnh Văn Long	20/06/1970		160/40M1 Tầm vu, KV2	10/12/2021	24/12/2021	**15**	1.200.000	F0
114	Đoàn Trọng Phúc	02/02/1998		50 Trần Hoàng Na, KV2	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
115	Huỳnh Thị Tuyết Nga		08/12/1982	246/8/22A Tầm vu, KV1	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
116	Huỳnh Võ Linh Nhi		02/11/1998	56 Tầm vu, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
117	Trần Thanh Thiên	20/11/1998		141/13 - 30/4, phòng 2, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
118	Lê Thị Phương Thảo		28/08/1995	304/14C4 Tầm vu, KV1	29/11/2021	12/12/2021	**14**	1.120.000	F0
119	Phạm Hoàng Nhu	21/07/1995		30/48 KDC 30 Nguyễn Văn Linh, KV5	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
120	Đặng Thanh Tuấn	06/09/1997		58F - 3/2, KV6	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
121	Nguyễn Thị Bích Ngọc		07/04/2000	132/29 - 3/2, KV6	08/12/2021	22/12/2021	**15**	1.200.000	F0
122	Huỳnh Bích Thuận		01/01/1976	30/52 Nguyễn Văn Linh, KV5	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
123	Hoàng Thị Thu Phương		08/10/1985	11 Trần Hoàng Na, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
124	Lê Hoàng Việt	03/02/1993		Hẻm 49 Trần Hoàng Na, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
125	Võ Thị Hoàng Thủy		15/05/1968	102/1 Tầm vu, KV2	14/12/2021	28/12/2021	**15**	1.200.000	F0
126	Đoàn Vĩnh Thái	14/10/1992		Hẻm 38/8 Nguyễn Văn Linh, KV5	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
127	Huỳnh Kim Ngân		10/05/2010	16/40M1 Tầm vu, KV2	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
128	Đỗ Văn Dinh	20/10/1966		86A - 3/2, KV6	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
129	Nguyễn Thị Lệ Chi		09/12/1968	86A - 3/2, KV6	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
130	Lê Thị Cúc		1952	166 Tầm vu, KV1	04/12/2021	17/12/2021	**14**	1.120.000	F0
131	Đặng Thị Kim Trinh		10/10/1973	268/2 - 30/4, KV4	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
132	Lý Văn Trí	20/07/1993		58A/46 - 3/2, KV6	12/12/2021	26/12/2021	**15**	1.200.000	F0
133	Nguyễn Văn Hải	02/03/1974		235 Nguyễn Văn Linh, KV1	02/12/2021	15/12/2021	**14**	1.120.000	F0
134	Dương Vạn Linh	17/09/1957		102/1 Tầm vu, KV2	14/12/2021	27/12/2021	**14**	1.120.000	F0
135	Phan Thị Bé Xuân		01/01/1994	102/66A - 3/2, KV5	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
136	Lê Hữu Thọ	03/07/1971		B13 chung cư 178 - 3/2, KV4	28/11/2021	11/12/2021	**14**	1.120.000	F0
137	Lê Trần Bảo Ngọc		23/08/2002	B13 chung cư 178 - 3/2, KV4	01/12/2021	14/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
138	Đặng Thị Trúc Hậu		05/04/1996	91/27 KDH 515 - 30/4, KV2	12/12/2021	26/12/2021	**15**	1.200.000	F0
139	Phạm Thị Phấn		08/08/1973	246/16/1B Tầm vu, KV1	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
140	Nguyễn Ngọc Lợi	12/02/1999		P3A - 27 Quản Trọng Hoàng, KV4	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
141	Nguyễn Hồng Sơn	15/04/1998		29 Quản Trọng Hoàng, KV4	13/12/2021	26/12/2021	**14**	1.120.000	F0
142	Lê Thị Ngọc Tuyền		28/02/1991	Hẻm 552, KV2	14/12/2021	28/12/2021	**15**	1.200.000	F0
143	Nguyễn Thị Khuyên		1963	141/50 - 30/4, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
144	Lê Quang Nơi		28/12/1959	141/50 - 30/4, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
145	Lê Quang Thắng	13/11/2000		69/3A - 30/4, KV2	03/12/2021	16/12/2021	**14**	1.120.000	F0
146	Nguyễn Trúc Phương		12/01/1992	132/33 - 3/2, KV6	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
147	Nguyễn Văn Dinh	15/08/1971		132/33 - 3/2, KV6	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
148	Phan Việt Châu	16/03/1964		6 Trần Hoàng Na, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
149	Phùng Ngọc Đành		01/01/1960	6 Trần Hoàng Na, KV2	18/12/2021	31/12/2021	**14**	1.120.000	F0
150	Nguyễn Ngọc Nghe		1966	28 KBT Hưng Lợi, KV2	17/12/2021	30/12/2021	**14**	1.120.000	F0
151	Hồ Thị Thu Thảo		15/01/1993	166 Tầm vu, KV1	10/12/2021	23/12/2021	**14**	1.120.000	F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng	Ghi chú
		Nam	Nữ						
152	Hồ Thị Tuyết Hồng		1961	304/8A Tầm vu, KV1	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
153	TrịnhThị Hồng Thư		25/01/2000	304/8A Tầm vu, KV1	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
154	Nguyễn Thị Duyên An		19/09/1994	588 - 30/4, KV3	07/12/2021	21/12/2021	**15**	1.200.000	F0
155	Trần Đức Huy	29/07/1993		278/32/18E Tầm vu, KV1	22/11/2021	05/12/2021	**14**	1.120.000	F0
	Tổng cộng:						**8.503**	**680.240.000**	

-Tổng số đối tượng hỗ trợ: ***627 Người***
- Tổng số tiền hỗ trợ: ***680.240.000 đồng***
- Số tiền bằng chữ: ***Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.***

Ninh Kiều, ngày 14 tháng 01 năm 2022

PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Q.NINH KIỀU-TP.CẦN THƠ

Lê Thế Phúc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU T.P CẦN THƠ

Nguyễn Ngọc Ánh